

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM ĐỘNG  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05.5.2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Trung Dũng và ông Vũ Quang Nguyên.

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Động.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Doãn Thị N, sinh năm 1980 (có mặt);

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Bất H, sinh ngày 02/9/2009 (vắng mặt);

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu H: chị Doãn Thị N và anh Nguyễn Minh Đ (chị N có mặt, anh Đ vắng mặt);

Đều nơi cư trú: thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Người trợ giúp pháp lý cho cháu Nguyễn Bất H: bà Phạm Thị T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

4. Người làm chứng: Nguyễn Doãn Đức M, sinh năm 2002 (vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là chị Doãn Thị Nguyệt trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Minh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 16/12/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh Đ đến năm 2008 thì vợ chồng ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không có trách nhiệm với gia đình. Chị góp ý, anh Đ còn đánh chửi chị. Nghĩ đến các con chị cố chịu đựng nhưng anh Đ luôn tìm cách gây sự và bắt chị làm theo ý của anh Đ, nếu không anh Đ sẽ chửi chị. Chị thấy rất mệt mỏi, chán nản, ảnh hưởng rất nhiều đến tinh thần của chị, không thể chịu đựng được nữa nên chị và anh Đ đã ly thân đến nay khoảng 03 năm, mặc dù chung sống trong cùng một nhà nhưng kinh tế không tập trung, ai làm được bao nhiêu người đó tự quản lý và chi tiêu, mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng căng thẳng. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu vợ chồng chung sống như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến tinh thần và cách sống của con chung, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Doãn Đức M, sinh ngày 20/9/2002 và Nguyễn Bất H, sinh ngày 02/9/2009. Hiện nay cháu M đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu H hiện nay đang ở cùng chị và anh Đ nhưng việc nuôi dạy và chăm sóc cháu H do một mình chị đảm nhiệm. Nếu ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi cháu H cho đến khi cháu H thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn là anh Nguyễn Minh Đ trình bày: về hoàn cảnh và thời điểm đăng ký kết hôn của anh và chị N như chị N trình bày trên.*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị N chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh đã từng đánh chị N, vợ chồng chung sống với nhau không còn hạnh phúc nữa. Anh và chị N mâu thuẫn căng thẳng nhất từ khoảng 02 năm nay, vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng đã ly thân, kinh tế vợ chồng không tập chung, thu nhập của ai người đó tự quản lý và chi tiêu, không ai quan tâm đến ai. Chị N có đơn xin ly hôn anh, anh mong muốn chị N rút đơn về để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Trường hợp chị N kiên quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Đ xác định anh và chị N có hai con như chị N đã trình bày trên. Nếu ly hôn, anh Đ xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H đến tuổi thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Cháu M đến nay đã thành niên, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, anh Đ không thường xuyên đến Tòa án để làm việc được, anh xin được vắng mặt tại các buổi Tòa án làm việc, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Bất H trình bày:* cháu còn nhỏ nên không biết lý do dẫn đến mâu thuẫn giữa bố và mẹ cháu nhưng cháu biết nhiều năm nay bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm đến ai, bố mẹ cháu chung sống không có hạnh phúc do vậy cháu không mong muốn bố mẹ cháu đoàn tụ, cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ cháu.

\* *Người làm chứng là cháu Nguyễn Doãn Đức M (con chung của chị N và anh Đ) trình bày:* Từ khi cháu còn học lớp 2, bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra cãi nhau, thời gian sau này mâu thuẫn giữa bố mẹ xảy ra ngày càng nhiều, nhiều lần bố uống rượu về đánh chửi mẹ vô cớ, bố không quan tâm chăm sóc mẹ. Cháu biết bố cháu có người phụ nữ khác nhưng mẹ bỏ qua vì em cháu còn nhỏ, bố ngày càng trở nên khắc khe hơn với mẹ, bố cấm đoán mẹ không cho quan hệ bạn bè và không cho đi đâu, mẹ nói chuyện với bố là xảy ra cãi vã, từ đó tình cảm giữa bố mẹ cháu lạnh nhạt, không còn tình cảm với nhau, cuộc sống gia đình cháu không có hạnh phúc. Mặc dù bố mẹ sống cùng nhà nhưng nhiều năm nay không có tình cảm với nhau, lương của ai người đó sử dụng, công việc trong nhà liên quan đến kinh tế thì bố mẹ chia nhau. Cháu thấy cuộc sống của bố mẹ cháu không còn là gia đình nữa, không có tình cảm vợ chồng, việc ai người đó làm. Nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn bố cháu, bản thân cháu không mong muốn bố mẹ cháu phải ly hôn nhưng nhiều năm qua bố mẹ cháu chung sống không có hạnh phúc, thực tế bố mẹ cháu không còn tình cảm với nhau, nếu mong muốn bố mẹ đoàn tụ với nhau thì chỉ gây thêm áp lực cho mẹ cháu mà thôi nên cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho mẹ cháu được ly hôn với bố cháu. Cháu không có tài sản gì liên quan đến bố mẹ cháu.

Tại phiên tòa:

Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ và đề nghị được nuôi dưỡng cháu H, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi cho cháu H là bà Phạm Thị T trình bày: Hiện nay cháu H đang ở với chị N và anh Đ. Chị N và anh Đ đều đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Tuy nhiên, đến nay cháu H đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ, bản thân cháu H cũng mong muốn được ở với mẹ cháu là chị N. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp

dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung của vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Doãn Thị N và đề nghị xử:

- Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Doãn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

- Về con chung: Giao cho chị N được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Bật H, sinh ngày 02/9/2009 đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: chị N, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

[1] Về tố tụng: chị Doãn Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Minh Đ có nơi cư trú tại thôn Đ, thị trấn L, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập anh Đ đến phiên tòa hai lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, anh Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 16/12/2001. Sau thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống,

anh Đ đã nhiều lần đánh chửi chị N, chị N và anh Đ đã ly thân nhiều năm nay, kinh tế vợ chồng không tập trung. Chị N xin ly hôn anh Đ, anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu chị N kiên quyết xin ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng nhưng chị N và anh Đ đều không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ xin đoàn tụ chỉ nhằm mục đích để anh và chị N cùng nhau nuôi dạy con chung chứ không xuất phát từ việc hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Đ. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho chị N được ly hôn anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: chị N, anh Đ có hai con chung là Nguyễn Doãn Đức M, sinh ngày 20/9/2002 và Nguyễn Bất H, sinh ngày 02/9/2009. Hiện nay cháu M đã thành niên, chị N, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu H hiện nay đang ở cùng chị N và anh Đ. Nếu ly hôn, chị N và anh Đ đều xin được tiếp tục nuôi cháu H cho đến khi cháu thành niên và đều tự nguyện không yêu cầu người không trực tiếp nuôi cháu Huy phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay chị N và anh Đ đều có công việc và thu nhập ổn định, đều đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu H đang ở độ tuổi phát triển về thể chất và tinh thần, rất cần sự chăm sóc, nguyện vọng của cháu xin được ở với chị N. Hiện nay chị N đang làm công tác giáo dục, cháu H đang học tại trường nơi chị N đang giảng dạy nên giao cho chị N được trực tiếp nuôi cháu H đến khi cháu thành niên và chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Doãn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: giao cho chị Doãn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bật H, sinh ngày 02/9/2009 đến khi cháu H thành niên; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Doãn Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001925 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: chị N, anh Đ, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, người có mặt được tính kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Ân Thi.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ngọc Oanh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh

